TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản án số: 151/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2025
V/v " Ly hôn "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2024/TLST-HNST ngày 10 tháng 12 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 767/2025/QĐXX ST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 991/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm:1971

Địa chỉ: Khu vực C1, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm: 1961

Địa chỉ: Khu vực C1, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản tố tụng khác nguyên đơn bà Võ Thị C trình bày: Bà và ông Nguyễn Duy Đ tổ chức cưới hỏi vào tháng 11/1998, trước khi cưới có tìm hiểu khoảng vài tháng, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã N1 cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống ở khu vực C1, phường N. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ thường uống rượu bia, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường lời qua tiếng lại. Ông nóng tính đập phá tài sản trong nhà. Ngoài ra, vợ chồng bà còn có những mâu thuẫn lặt vặt hàng ngày. Bà và ông Đ không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2024 đến nay. Hiện bà không còn tình cảm với chồng nữa, nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy Đ.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 người con chung Nguyễn Thị D, sinh năm: 1998 và Nguyễn Thị N2, sinh năm: 2006 đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, tự lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung và nợ: Bà không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 19/01/2021 và các văn bản tố tụng khác bị đơn ông Nguyễn Duy Đ trình bày: Ông và bà C kết hôn năm 1999, có thời gian tìm hiểu ngắn,tự nguyện đi đến hôn nhân, có Giấy đăng ký kết hôn do UBND xã N1 cấp. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bà C làm có tiền, coi thường chồng, không tôn trọng chồng, bà C châm cứu về nhà khuya ông có nói thì bà làm to chuyện, bà tự thuê nhà trọ ở riêng từ đầu năm 2024 cho đến nay. Hiện ông còn tình cảm với vợ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị D, sinh năm: 1998 và Nguyễn Thị N2, sinh năm: 2006 đã trưởng thành, sức khỏe bình thường.

Về tài sản chung và nợ: Ông không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, các Hội thẩm, Thư ký và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo Đ quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn ông Đ không chấp hành nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Võ Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Duy Đ.

Về con chung: Có 02 người con chung Nguyễn Thị D, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị N2, sinh năm 2006 đã trưởng thành, nên miễn xét.

Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài chung.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1]** Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Võ Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Duy Đ được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[**2]** Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 quyển số 01 ngày 23/11/1998 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng do ông Đ thường uống rượu bia về nhà chửi mắng, bà nhiều lần làm đơn báo cáo chính quyền địa phương can thiệp. Vợ chồng bà không còn chung sông từ đầu năm 2024 cho đến nay, mạnh ai nấy

sống, không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện mâu thuẫn vợ chồng là do ông Đ thường uống rượu bia về nhà cả hai hay lời qua tiếng lại, nhiều lần chính quyền địa phương hòa giải Qua lời khai của ông Đ, ông không đồng ý ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải ông cũng không đến Tòa, ông không có phương hướng, kế hoạch để hàn gắn hạnh phúc gia đình mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Qua phân tích và viện dẫn những quy định pháp luật ở trên, thể hiện quan hệ hôn nhân ông bà thật sự đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ông bà không có tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 người con chung Nguyễn Thị D, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị N2, sinh năm 2006 các con chung đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, tự lao động nuôi sống bản thân nên miễn xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[**6]** Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị C ly hôn với ông Nguyễn Duy Đ.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thị D, sinh năm: 1998 và Nguyễn Thị N2, sinh năm: 2006, hiện các con chung đã trưởng thành, sức khỏe bình thường tự lao động được nên miễn xét.

3**.** Về tài sản chung và nợ: Bà Võ Thị C và ông Nguyễn Duy Đ không yêu cầu giải quyết .

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005736 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Bà Võ Thị C và ông Nguyễn Duy Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N1;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Oanh